

Bản án số: 15 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10- 4-2019

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ninh

Bà Nguyễn Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị H - Sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT: Xóm 9, xã K, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Trần Văn L - Sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT: Xóm 9, xã K, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt chị H, anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2018, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đoàn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Đ, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12 tháng 5 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh L có quan hệ ngoài luồng không quan tâm đến vợ. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng không thể hòa giải được nên đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, cuộc sống của ai người đó tự lo. Gia đình đã giàn xếp nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Trần Thị Q sinh ngày 16 tháng 02 năm 2015. Chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Q. Vợ chồng gửi con cho ông bà nội từ khi 13 tháng tuổi để đi làm ăn, cho đến nay cháu vẫn với ông bà nội và bố. Từ khi vợ chồng sống ly thân chị không gửi tiền về cho ông bà nuôi con nữa. Cháu Chi đang học ở trường mầm non, có sức khỏe bình thường. Chị có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng. Hiện nay chị đang làm công nhân ở Hà Nội thu nhập từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Khi vợ chồng cưới bên ngoại cho 5,5 chỉ vàng 9999, bên nội cho 7,5 chỉ vàng 9999. Chị yêu cầu anh Long trả số vàng bên ngoại cho chị, giá vàng 3.600.000đ/ chỉ. Chị không nhận tiền mà nhận 5,5 chỉ vàng 9999.

Tại Bản tự khai ngày 16 tháng 12 năm 2018 bị đơn là anh Trần Văn L trình bày: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã D cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/5/2014. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, chị H nghi ngờ và cho rằng anh có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác là không đúng mà do đặc thù công việc anh làm ở công ty tuyển dụng xuất khẩu lao động, mỗi khi thấy anh đi với phụ nữ là chị chửi bới, đuổi ra khỏi nhà, không cho ngủ và không nấu cơm cho anh ăn. Vì thế cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng căng thẳng, thiếu sự tin tưởng. Gia đình hai bên đã giàn xếp nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Thị Q sinh ngày 16 tháng 02 năm 2015. Hiện nay, cháu đang ở với anh và ông bà nội. Vợ chồng gửi cháu cho ông bà nội nuôi từ nhỏ. Sau khi vợ chồng sống ly thân chị H không gửi tiền nuôi con mà chỉ có anh đưa tiền cho ông bà nuôi con. Hiện nay, anh làm ở công ty xuất khẩu lao động thu nhập 16.000.000đ/tháng. Do công việc của anh không phải thường xuyên có mặt tại công ty nên có nhiều thời gian về với con. Cháu Q đang học lớp 4 tuổi Trường Mầm non xã K, cháu khỏe mạnh, được học hành đầy đủ và được bố và ông bà nội chăm sóc tốt. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị Hương cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản: Khi cưới bên nhà chị H cho 5,5 chỉ vàng, nhà nội cho 7,5 chỉ vàng đã bán để chi tiêu trong cuộc sống. Nay chị H yêu cầu số vàng 5,5 chỉ 9999 anh cũng đồng ý trả cho chị H, trị giá vàng 3.600.000đ/chỉ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cung cấp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án, tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 38,55,58,59,81,82 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 28,35, khoản 4 Điều 147, 149, 271, 273BLTTDS. Về hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh L. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Q sinh ngày 16 tháng 02 năm 2015 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng. Về tài sản: Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự: Anh L có trách nhiệm giao cho chị H 5,5 chỉ vàng 9999. Về án phí: Chị H phải chịu án phí

theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tổ tụng: Chị H và anh L đều có hộ khẩu thường trú tại xóm 9, xã K, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã K, huyện Triệu Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, nhiều lần cãi cọ, xô xát và đã ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị Hương khai anh L có quan hệ bất chính nhưng chưa có cơ sở xác định. Tại phiên tòa, chị Hương vẫn tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị H và anh L.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thị Q sinh ngày 16 tháng 02 năm 2015. Từ nhỏ và thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu Chi ở với ông bà nội và bố được chăm sóc tốt, cháu khỏe mạnh, được đi học và phát triển tốt. Anh L có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị H cấp dưỡng 1.500.000đ. Chị H cũng yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đ/đồng.

Xét điều kiện thực tế hiện nay của hai vợ chồng thấy rằng, hiện tại anh L và chị H đều làm ở Hà Nội. Chị H đang làm công nhân điện tử có thu nhập thấp hơn anh L, làm theo ca, phải thuê nhà trọ nên sẽ khó khăn trong việc nuôi con. Tại phiên tòa chị trình bày, nếu được nuôi con chị sẽ nhờ ông bà ngoại chăm sóc.

Anh L làm việc ở công ty tuyển dụng lao động, công việc không phải thường xuyên có mặt ở công ty nên vẫn sắp xếp công việc về với con, có thu nhập cao hơn chị H, có ông bà nội hỗ trợ chăm sóc cháu trong thời gian anh đi làm. Mặt khác, cháu ở với ông bà từ nhỏ được chăm sóc chu đáo. Tại giấy khám sức khỏe ngày 11/2/2019 kết luận cháu Q không mắc bệnh gì, có đủ sức khỏe học tập. Xác nhận của Chính quyền xã K và Trường Mầm non xã K thể hiện cháu Q hiện đang học lớp 4 tuổi, có đủ sức khỏe theo học, phát triển tốt, không bị đánh đập bạo hành. Xác nhận của công ty xuất khẩu lao động Batimex mức lương của anh L: 16.000.000đ/tháng. Tại biên bản xác minh ngày 22/3/2019 do Tòa án tiến hành xác định: Vợ chồng chị H, anh L sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Cháu Q ở với ông bà nội từ nhỏ. Hiện nay cháu đang ở với bố và ông bà nội ở xóm 9 xã K, cháu có sức khỏe tốt, không bị đánh đập bạo hành. Anh L có đủ sức khỏe, công việc ổn định, không có vi phạm pháp luật gì, có đủ điều kiện nuôi con.

Như vậy, anh L có điều kiện nuôi con đảm bảo mọi quyền lợi tốt hơn và để tránh xáo trộn nơi ở, tâm lý của cháu Q Chi nên tiếp tục giao con cho anh L nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ phù hợp với thu nhập của chị.

Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu anh L không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, anh L và gia đình không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Các đương sự thống nhất thỏa thuận anh L giao cho chị Hương 5,5 chỉ vàng 9999, trị giá vàng 3.600.000đ/chỉ x 5,5 = 19.800.000đ. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với giá vàng tại địa phương và các quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; các Điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a,b,d khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị H và anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thị Q sinh ngày 16 tháng 02 năm 2015. Giao cháu Q cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh L có trách nhiệm giao cho chị H 5,5 chỉ vàng 9999 có giá trị: 3.600.000đ x 5,5 chỉ = 19.800.000đ.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, 300.000đ án phí cấp dưỡng và 495.000đ án phí tài sản, tổng cộng là 1.095.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.470.000đ tại biên lai số: AA/2017/0005257 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị H đã nộp đủ án phí và được nhận lại 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND. xã Đồng Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu